

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Dân

Ông Trần Đặng Hồng Phước

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Út H, sinh ngày 01-01-1994 (có mặt)
Căn cước công dân số 091194008706 cấp ngày 18-11-2021
Nơi cư trú: Tổ C, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.
Địa chỉ liên hệ: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.
Số điện thoại: 0397 423 419

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh ngày 01-01-1980 (có mặt)
Căn cước công dân số 089080024461 cấp ngày 31-8-2021
Nơi cư trú: Tổ C, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.
Số điện thoại: 0366 697 974

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn, Bản tự khai ngày 02-6-2025; quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Út H trình bày:

+Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn Đ kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do quen biết, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND, xã V, huyện C, tỉnh An Giang số 119/2015, quyền số 01/2015 ngày 27-10-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên chồng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Đ đánh đập bà; bà bỏ đi lên tỉnh Đồng Nai sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Đ mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông Lê Văn Đ.

+Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 19-02-2011 và Lê Thị Mỹ K, sinh ngày 25-3-2016. Hiện bà đang nuôi cháu K, ông Đ đang nuôi cháu A. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, bà đồng ý để ông Đ được tiếp tục nuôi cháu A.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

+Về hôn nhân: Ông và bà Dương Thị Út H kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do quen biết, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND, xã V, huyện C, tỉnh An Giang số 119/2015, quyển số 01/2015 ngày 27-10-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông có đánh vợ con khi phát sinh mâu thuẫn và khi có rượu, ông thường hay uống rượu mỗi ngày. Bà H bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Nay bà H xin ly hôn, ông nhận thấy không còn tình cảm với bà H nên đồng ý ly hôn với bà Dương Thị Út H.

+Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 19-02-2011 và Lê Thị Mỹ K, sinh ngày 25-3-2016. Hiện bà H đang nuôi cháu K, ông đang nuôi cháu A. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 15-8-2025, cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 19-02-2011 trình bày: Cháu tên Lê Hoàng A, cháu sinh ngày 19-02-2011, cháu sống với cha, cháu học được tới lớp 7 thì nghỉ học. Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tại Biên bản hòa giải ngày 15-8-2025, cháu Lê Thị Mỹ K, sinh ngày 25-3-2016 trình bày: Cháu tên Lê Thị Mỹ K, cháu sinh ngày 15-3-2026, cháu đang sống với mẹ, cháu học được tới lớp 3 thì nghỉ học. Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Bà Dương Thị Út H và ông Lê Văn Đ kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND, xã V, huyện C, tỉnh An Giang số 119/2015, quyển số 01/2015 ngày 27-10-2015 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà H có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà H và ông Đ, nhưng ông Đ không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Xét thấy: Quá trình chung sống giữa bà H và ông Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường xuyên uống rượu kiếm chuyện cự cãi, đánh

đập bà H. Từ tháng 01/2025 bà H và ông Đ sống ly thân cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay cả bà H và ông Đ đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông Đ đồng ý ly hôn với bà H. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H với ông Đ.

[2] *Về con chung*: Bà H và ông Đ có 02 con chung, hiện bà H đang nuôi cháu K, ông Đ đang nuôi cháu A. khi ly hôn bà H có yêu cầu được nuôi con tên K, bà H đồng ý để ông Đ nuôi con tên A. Ông Đ có yêu cầu nuôi 02 con chung.

Xét thấy: Cháu Hoàng A đã trên 14 tuổi, có nguyện vọng sống với ông Đ; còn cháu K đã trên 09 tuổi, có nguyện vọng sống với bà H. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao bà H được tiếp tục nuôi con tên K, giao ông Đ được tiếp tục nuôi con tên Hoàng A.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Cả bà H và ông Đ thống nhất trình bày không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Cả bà H và ông Đ thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008320 ngày 02-6-2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10, tỉnh An Giang).

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn bà H, bị đơn ông Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08-9-2025).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 9, các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị Út H với ông Lê Văn Đ.

[2] *Về con chung*:

Bà Dương Thị Út H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Mỹ K, sinh ngày 25-3-2016

Ông Lê Văn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 19-02-2011

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Dương Thị Út H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008320 ngày 02-6-2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10, tỉnh An Giang).

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn bà Dương Thị Út H, bị đơn ông Lê Văn Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08-9-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10, tỉnh An Giang;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra, Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (nay là xã Vĩnh An, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà